| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TRÙNG KHÁNH**<br>**TỈNH CAO BẰNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28/3/2023
*V/v: Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Nông Văn Tùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Minh Tâm.
2. Ông Hoàng Văn Xuân.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Hương Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa*:** Bà Ma Kim Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 94/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2022 về việc: *Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con khi ly hôn*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Mạc Thị H, sinh năm 1995.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm K, xã Đ, huyện T, tỉnh C. Có mặt.

**2. Bị đơn:** Anh Hứa Văn M, sinh năm 1994;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm H, xã Đ, huyện T, tỉnh C. Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện Trùng Khánh. Đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng Thu P - Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Bà Lục Thị Kim O - Phó Giám đốc. Có mặt.

- Bà Hứa Thị R, sinh năm 1964. Địa chỉ: Xóm H, xã Đ, huyện T, tỉnh C. Vắng mặt.

- Bà Nông Thị N, sinh năm 1958. Địa chỉ: Xóm K, xã Đ, huyện T, tỉnh C. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 23/9/2022 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn chị Mạc Thị H trình bày:* Chị và anh M chung sống với nhau có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh C ngày 21 tháng 01 năm 2015, việc đăng ký là tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc, nhưng từ năm 2017 chị phát hiện anh M sử dụng trái phép chất ma túy nên bắt đầu xảy ra mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh M không quan tâm, chăm lo cho gia đình. Giữa chị và anh M đã hết tình cảm không thể hàn gắn lại được. Vì vậy chị và anh Hứa Văn M đã ly thân từ năm 2020, đến nay. Trong thời gian ly thân những dịp lễ, tết chị cũng không về nhà chồng nữa. Hai vợ chồng chị có 02 con chung tên Hứa Văn H, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2014 và Hứa Bảo C, sinh ngày 13 tháng 11 năm 2018. Hiện nay hai con đang sống với chị ở bên ngoại. Giữa hai vợ chồng không có tài sản chung. Trong thời kỳ hôn nhân, hai vợ chồng chị có khoản nợ chung là 80.000.000 đồng vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện T đứng tên Hứa Văn M, sau khi vay, chị là người trực tiếp trả toàn bộ lãi suất khoản vay và 10.000.000 đồng tiền gốc. Hiện nay, khoản vay còn lại là 70.000.000 đồng.

Nay chị xác định tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Hứa Văn M. Sau khi ly hôn, chị đề nghị cháu Hứa Văn H sẽ do M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị sẽ có trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cháu Hứa Bảo C, vì hiện nay chị phải sống nhờ nhà mẹ đẻ, chưa có nhà riêng và công việc cũng không ổn định. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Về khoản nợ chung tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện Trùng Khánh đứng tên Hứa Văn M, chị yêu cầu anh M có trách nhiệm trả gốc và lãi phát sinh đối với 40.000.000 đồng; chị sẽ có trách nhiệm trả gốc và lãi phát sinh đối với 30.000.000 đồng. Các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Hứa Văn M trình bày:* Về thời gian và điều kiện kết hôn, anh M xác nhận đúng như chị H đã trình bày. Anh thừa nhận có sử dụng ma túy nhưng sẽ cố gắng cai vì vợ con. Tuy trong quá trình chung sống anh và chị H có cãi nhau, nhưng chỉ là mâu thuẫn hàng ngày, không có gì nghiêm trọng và anh không đồng ý ly hôn với chị H, muốn được hàn gắn tình cảm để cùng chăm lo cho con. Trong thời kỳ hôn nhân, anh và chị H có hai chon chung, nếu phải ly hôn, anh M yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh M xác nhận hai vợ chồng không có tài sản chung. Về nợ chung, Anh M xác nhận hai vợ chồng có khoản nợ chung 80.000.000 đồng tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện Trùng Khánh đứng tên anh đúng như chị H đã trình bày, sau khi ly hôn anh nhất trí mỗi

người trả một nửa; anh M sẽ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ gốc và lãi phát sinh đối với khoản tiền 40.000.000 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà R khai: Bà là mẹ đẻ của Hứa Văn M, có biết việc H làm đơn xin ly hôn con trai nhưng bà không có ý kiến, vì đây là chuyện riêng của hai vợ chồng H và M. Năm 2020 H và M có vay tiền ngân hàng chính sách xã hội huyện Trùng Khánh để mua Trâu, Bò làm kinh tế, nhưng không mua được, còn tiền vay đi đâu thì bà không biết. Mọi việc do hai vợ chồng tự giải quyết bà không liên quan và đề nghị Tòa giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà N khai : Bà là mẹ đẻ của Mạc Thị H, hiện nay bà đang nuôi hai cháu Hứa Văn H, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2014 và Hứa Bảo C, sinh ngày 13 tháng 11 năm 2018. Nếu vợ chồng H, M ly hôn bà có nguyện vọng mỗi người nuôi một con, H nuôi cháu C còn M nuôi cháu H.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Mạc Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Anh Hứa Văn M cũng giữ nguyên ý kiến như trong quá trình giải quyết vụ án.

*Đại diện Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Trùng Khánh có ý kiến:* Trong trường hợp vợ chồng anh Hứa Văn M và chị Mạc Thị H ly hôn thì phải giải quyết khoản nợ 70.000.000 đồng như sau: Nếu hai vợ chồng thỏa thuận để anh M đứng ra trả nợ sau khi ly hôn thì phía Ngân hàng vẫn tiếp tục tạo điều kiện để cho gia đình tiếp tục sử dụng khoản nợ này với điều kiện anh M phải có trách nhiệm trả lãi và gốc đầy đủ. Trường hợp chị H là người đứng ra trả nợ thì phải làm thủ tục sang tên khoản vay và chị H cũng phải có trách nhiệm trả lãi và gốc đầy đủ. Nếu hai vợ chồng không thỏa thuận được về người có trách nhiệm thanh toán gốc và lãi cho Ngân hàng sau khi ly hôn thì phía Ngân hàng sẽ yêu cầu khách hàng tất toán ngay khoản nợ này.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và đương sự đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58 Luật Hôn nhân gia đình 2014; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Mạc Thị H được ly hôn anh Hứa Văn M. Về con chung: Giao cháu Hứa Văn H, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2014 cho anh M chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao cháu Hứa Bảo C, sinh ngày 13 tháng 11 năm 2018 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung đối với các bên. Tài sản chung không yêu cầu nên không xem xét. Nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự về việc anh M có trách nhiệm trả gốc và lãi phát sinh đối với 40.000.000 đồng; chị H sẽ có trách nhiệm trả

gốc và lãi phát sinh đối với 30.000.000 đồng. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Ngoài ra các đương sự còn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:* Chị Mạc Thị H kết hôn với anh Hứa Văn M, địa chỉ: Xóm H, xã Đ, huyện T, tỉnh C. Nay chị H khởi kiện xin ly hôn với anh M, yêu cầu mỗi người nuôi một con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, Cao Bằng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị H và anh M đăng ký kết hôn ngày 21 tháng 01 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Việc đăng ký là tự nguyện, đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Như vậy, việc kết hôn giữa chị H và anh M là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được công nhận kể từ ngày đi đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên cuộc sống không được hòa thuận, hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh M sử dụng trái phép chất ma túy từ năm 2017 dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh M không quan tâm, chăm lo cho gia đình là nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn giữa hai vợ chồng hiện nay, anh M đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ chăm sóc, yêu thương giữa vợ và chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa anh Hứa Văn M không nhất trí ly hôn, nhưng cũng không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong khoảng thời gian ly thân từ 2020 đến nay anh M cũng không có cách hòa giải, thuyết phục để ba mẹ con quay lại sinh sống cùng nhau. Chính điều này làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng đi xuống, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Từ những phân tích, nhận định trên đây, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị H và ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3]. *Về con chung:* Giữa chị H và anh M có 02 con chung hiện đang sống với mẹ tại nhà bà ngoại. Xét về điều kiện mọi mặt thì cả anh M và Chị H đều không có công việc ổn định, chị H phải sống nhờ mẹ đẻ, trong khi anh M sống cùng mẹ ruột. Nếu giao hai con cho một bên trực tiếp chăm sóc sẽ không đảm bảo cho sự phát triển mọi mặt của các cháu. Vì vậy việc giao cho hai vợ chồng mỗi người nuôi một con là phù hợp với quy định của pháp luật. Anh M sẽ nuôi cháu H theo nguyện vọng của cháu, còn chị H nuôi cháu Bảo C, do mỗi người nuôi một con nên không đặt vấn đề cấp dưỡng đối với các bên.

[4] Về tài sản chung: Chị H và anh M đều xác nhận hai vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[5]. Về nợ chung: Tại phiên tòa tuy không nhất trí ly hôn nhưng anh M cho rằng nếu vợ kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý trả gốc 40.000.000 đồng và lãi suất hàng tháng cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Trùng Khánh như nguyện vọng của chị H. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không trái với quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

[6]. *Về án phí:* Chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận chị đã nộp đủ.

Ngoài ra, các đương sự còn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 235; Điều 266; Điều 267; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

*1. Về quan hệ hôn nhân:* Chị Mạc Thị H được ly hôn anh Hứa Văn M.

*2. Về con chung:* Giao cháu Hứa Văn H, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2014 cho anh Hứa Văn M chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao cháu Hứa Bảo C, sinh ngày 13 tháng 11 năm 2018 cho chị Mạc Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (hoặc đến khi có Bản án, quyết định khác của Tòa án thay thế) không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, hai bên đương sự có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

*3. Về tài sản chung:* Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*4. Về nợ chung:* Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Mạc Thị H và anh Hứa Văn M, cụ thể như sau: Chị H sẽ có trách nhiệm trả nợ gốc 30.000.000 đồng và lãi suất phát sinh hàng tháng cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Trùng Khánh. Anh M sẽ có trách nhiệm trả gốc 40.000.000 đồng và lãi suất phát sinh hàng tháng cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Trùng Khánh.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án*

*còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

5. *Về án phí:* Chị Mạc Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị H đã nộp đủ theo biên lai số 0004216 ngày 11 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Ngoài ra chị H còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)* sung ngân sách Nhà nước. Anh Hứa Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)* sung ngân sách nhà nước.

6. *Quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án./.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã Đàm Thủy;
- Các đương sự;
- Người CQLVNVLQ;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Nông Văn Tùng**